

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá

Căn cứ Thông báo lựa chọn tổ chức bán đấu giá ái sản số 1057/TB-THADS.KV1 ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 437, tờ bản đồ số 03, tại địa chỉ: Lô 22 MBQH số 22/XD-UB, phố Môi, phường Quảng Tâm, thành phố Thanh Hóa (nay là phường Quảng Phú), tỉnh Thanh Hóa (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 717369, số vào sổ cấp GCN:CH 02031/7652/QĐ-UBND do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 28/8/2019 mang tên ông Nguyễn Trần Ứng và bà Trần Thị Thúy (theo xác nhận ngày 22/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai TP. Thanh Hóa).

(Cụ thể tài sản theo Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa).

2. Giá khởi điểm: 1.520.862.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:

Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn.

Địa chỉ: Số 111A Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số điểm: 98 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn).

TT	NỘI DUNG	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa	Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn	Công ty đấu giá hợp danh Sao Việt	Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú	Ghi chú
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố					

1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố					
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	19,0	19	19	
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	10,0	10,0	10,0	
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0	5,0	5,0	
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0	5,0	5,0	
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	5,0	5,0	5,0	
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0	2,0	2,0	
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0	3,0	3,0	
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0	2,0	2,0	2,0	

4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	16,0	16,0	16,0	16,0	
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	53,0	57,0	54,0	53,4	
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá</i>	<i>15,0</i>	<i>15,0</i>	<i>15,0</i>	<i>15</i>	

	thành và cuộc đấu giá không thành)					
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá					
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá					
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá					
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0 (177 cuộc)	15,0 (1992 cuộc)	15,0(822 cuộc)	15,0 (551 cuộc)	
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7,0	7,0	7,0	7,0	
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)					
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành					
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành					
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0 (102 cuộc)	7,0 (494)	7,0 (121 cuộc)	7,0(327 cuộc)	
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề	7,0	7,0	7,0	7,0	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)					
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc					
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc					
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0(93cuộc)	7,0 (380 cuộc)	7,0 (52cuộc)	7,0(306 cuộc)	
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	1,0	3,0	1,0	2,4	
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất		3,0			(168 cuộc)
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu					

	giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề				2,4	(134 cuộc)
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo	1,0				(54 cuộc)
4.4	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo			1,0		(17 cuộc)
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	7,0	7,0	6,0	5,0	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm					
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm				5,0	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm			6,0		
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	7,0			
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	3,0	4,0	4,0	4,0	
6.1	01 đấu giá viên					
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0				
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên		4,0(08 ĐGV)	4,0 (06ĐGV)	4,0(10 ĐGV)	
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân	4,0	4,0	4,0	3,0	
7.1	Dưới 05 năm					

7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm				3,0	
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	4,0	4,0		
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	4,0	5,0	5,0	5,0	
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên					
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0				
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên		5,0(7ĐGV)	5,0(6ĐGV)	5,0(5ĐGV)	
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0	5,0	5,0	5,0	
9.1	Dưới 50 triệu đồng					
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng					
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0	5,0	5,0	5,0	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0	6,0	6,0	6,0	
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	3,0	3,0	3,0	3,0	
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0	3,0	3,0	3,0	
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	2,0	0,0	0,0	0,0	
	Tổng	96	98	95	94,4	

Đề nghị Công ty Đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn liên hệ Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1) để nhận hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản bán đấu giá làm cơ sở ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, bà Trần Thị Thúy và ông Nguyễn Trần Ứng được biết./.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự (để biết);
- Viện KSND Khu vực 1- Thanh Hóa;
- Trang TTĐT THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng TTĐT Cục Quản lý THADS;
- Cổng TTĐT quốc gia về Đấu giá tài sản quốc gia;
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Nguyễn Văn Dũng).

CHẤP HÀNH VIÊN

Nguyễn Văn Dũng